

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC**  
**NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CMVIETNAM**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 40

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMVIETNAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần CMVIETNAM (trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 15 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty, và tăng vốn điều lệ, trong đó thay đổi lần 15 ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc thay đổi tên Công ty.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024.35738555
- Fax : 024.38564666

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng và cung ứng nhân lực.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Phi	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Văn Trung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Lương Sơn Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018

#### **Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lương Sơn Hùng	Trưởng ban	Ngày 09 tháng 5 năm 2018
Ông Phạm Minh Phúc	Thành viên	Ngày 09 tháng 5 năm 2018
Ông Trần Minh Đức	Thành viên	Ngày 09 tháng 5 năm 2018

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	Ngày 09 tháng 4 năm 2008
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 20 tháng 9 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 10 tháng 10 năm 2011
Bà Đình Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 25 tháng 02 năm 2014
Ông Trần Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 14 tháng 4 năm 2017



# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kim Ngọc Nhân - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2008).

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Kim Ngọc Nhân

Ngày 12 tháng 8 năm 2019



Số: 2.0494/19/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần CMVIETNAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2019, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở của kết luận ngoại trừ

- Các chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, “Phải thu ngắn hạn khác” và “Phải trả người bán ngắn hạn” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 đang theo dõi một số khoản công nợ dư lâu ngày chưa có đối chiếu xác nhận với số tiền lần lượt là 17.045.766.068 VND, 39.850.706.013 VND và 6.475.874.189 VND. (Thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 14.778.061.948 VND, 21.540.049.741 VND và 6.038.825.952 VND, Xem thêm thuyết minh V.3, V.6 và V.12).

- Chỉ tiêu “Hàng tồn kho” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đang theo dõi số dư Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang Công trình Sông Bạc với số tiền là 21.361.631.990 VND, phát sinh từ năm 2013. Chúng tôi chưa nhận được các đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng ghi nhận doanh thu của công trình này. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về khả năng ghi nhận doanh thu tương ứng với giá trị dở dang của công trình này, cũng như số dự phòng tổn thất cần trích lập (nếu có).

Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

#### Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc**  
*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1*

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2019

3  
N  
F  
D  
LIE

HAN  
VAT  
H



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>282.297.634.014</b>	<b>305.728.932.466</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>12.975.586.236</b>	<b>77.197.746.918</b>
1. Tiền	111		2.819.891.793	77.197.746.918
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.155.694.443	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>43.078.394.671</b>	<b>16.456.942.464</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	43.078.394.671	16.456.942.464
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>160.691.742.058</b>	<b>141.240.850.688</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	95.949.627.103	79.558.301.609
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	38.589.430.002	17.379.671.588
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	225.000.000	625.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	68.319.742.427	86.069.934.965
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(42.392.057.474)	(42.392.057.474)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>51.790.215.273</b>	<b>58.514.699.410</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	51.790.215.273	58.514.699.410
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.761.695.776</b>	<b>12.318.692.986</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	5.032.363.424	2.192.192.522
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.729.332.352	10.126.500.464
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>195.610.383.906</b>	<b>195.647.291.608</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>18.688.569.927</b>	<b>15.126.180.660</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	18.688.569.927	15.126.180.660
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>44.614.666.920</b>	<b>47.885.819.561</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	31.597.852.318	34.858.532.211
<i>Nguyên giá</i>	222		58.318.481.030	59.524.811.030
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(26.720.628.712)	(24.666.278.819)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	13.016.814.602	13.027.287.350
<i>Nguyên giá</i>	228		13.163.033.000	13.163.033.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(146.218.398)	(135.745.650)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>128.494.566.524</b>	<b>131.464.624.546</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	110.654.570.000	110.654.570.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	13.200.000.000	13.200.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(5.262.855.020)	(4.170.796.998)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	9.902.851.544	11.780.851.544
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.812.580.535</b>	<b>1.170.666.841</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	3.812.580.535	1.170.666.841
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>477.908.017.920</b>	<b>501.376.224.074</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>291.502.278.431</b>	<b>310.935.470.114</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>280.963.051.813</b>	<b>303.001.484.527</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	66.360.889.739	83.287.266.953
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	154.286.047.237	178.781.677.623
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	5.539.327.200	4.162.379.653
4. Phải trả người lao động	314		7.811.011.625	3.628.769.430
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	15.000.100.873	2.755.406.229
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	4.725.520.560	2.037.664.365
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	1.992.250.500	2.109.745.632
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	24.174.652.767	25.165.323.330
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.073.251.312	1.073.251.312
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.539.226.618</b>	<b>7.933.985.587</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	9.941.726.618	6.366.688.134
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	18.808.786
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	597.500.000	1.548.488.667
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>186.405.739.489</b>	<b>190.440.753.960</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>186.405.739.489</b>	<b>190.440.753.960</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(211.950.000)	(211.950.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.161.362.309	5.148.466.209
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.456.327.180	13.504.237.751
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.891.341.651	13.504.237.751
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.564.985.529	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>477.908.017.920</b>	<b>501.376.224.074</b>

Người lập biểu

Ngô Thị Trang

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	143.831.245.828	130.670.547.246
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		143.831.245.828	130.670.547.246
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	132.710.947.942	113.775.677.871
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.120.297.886	16.894.869.375
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.719.411.814	1.344.797.952
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.780.879.732	6.248.089.864
Trong đó: chi phí lãi vay	23		305.926.035	2.372.188.960
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.660.376.721	8.078.822.910
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.398.453.247	3.912.754.553
11. Thu nhập khác	31	VI.6	7.217.669.712	192.484.470
12. Chi phí khác	32	VI.7	6.678.287.969	302.718.594
13. Lợi nhuận khác	40		539.381.743	(110.234.124)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.937.834.990	3.802.520.429
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1.372.849.461	1.276.496.310
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>4.564.985.529</u>	<u>2.526.024.119</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu

Ngô Thị Trang

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diển, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.937.834.990	3.802.520.429
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		4.064.822.641	4.211.143.711
- Các khoản dự phòng	03		1.092.058.022	4.899.653.621
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(273.626.805)	(64.340.276)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.457.230.382)	(792.755.365)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	305.926.035	2.372.188.960
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.669.784.501	14.428.411.080
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.357.116.397)	(17.390.278.954)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.724.484.137	(24.311.999.765)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(16.791.583.842)	(8.790.176.988)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.482.084.596)	1.995.602.109
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(334.724.107)	(2.358.379.881)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(2.044.000.000)	(4.082.113.308)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(30.615.240.304)</b>	<b>(40.508.935.707)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(793.670.000)	(4.216.257.350)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.053.597.689	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(28.316.483.224)	(7.980.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.573.031.017	3.994.867.874
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.900.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		422.177.667	59.196.686
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(23.061.346.851)</b>	<b>(12.042.192.790)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	18.441.888.348	84.015.743.483
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(20.383.547.578)	(42.057.585.774)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.600.000.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(10.541.659.230)</i>	<i>41.958.157.709</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(64.218.246.385)	(10.592.970.788)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	77.197.746.918	11.772.410.854
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.914.297)	11.792.202
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>12.975.586.236</u>	<u>1.191.232.268</u>

Người lập biểu

Ngô Thị Trang

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân



# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CMVIETNAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng và cung ứng nhân lực

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Các công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Thương mại	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R’Lấp, tỉnh Đăk Nông	Xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản	68,44%	68,44%	68,44%
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	33A Tô Hiến Thành, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Cung cấp dịch vụ	59,63%	59,63%	59,63%

*Công ty liên kết*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin	Số 32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	23,32%	23,32%	23,32%

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 379 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 285 nhân viên).

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản (các Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản (các Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng công trình được xác định như sau:

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ} = \text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ} - \text{Giá vốn kết chuyển trong kỳ}$$

trong đó:

$$\text{Giá vốn kết chuyển trong kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Doanh thu trong kỳ}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí trả trước khác*

Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí theo thời gian hữu dụng của chi phí.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	4 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

##### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

##### *Nhãn hiệu, tên thương mại*

Nguyên giá của nhãn hiệu, tên thương mại bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 12. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

002  
NH  
TY  
HỮU  
TU  
C  
NO  
TR



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **15. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

### **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### **17. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	77.757.193	3.877.825
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.742.134.600	77.193.869.093
Các khoản tương đương tiền	10.155.694.443	
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	10.155.694.443	
<b>Cộng</b>	<b><u>12.975.586.236</u></b>	<b><u>77.197.746.918</u></b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau đây đều có giá gốc bằng giá trị ghi sổ:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>43.078.394.671</b>	<b>16.456.942.464</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	43.078.394.671	16.456.942.464
<b>Dài hạn</b>	<b>9.902.851.544</b>	<b>11.780.851.544</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	5.342.851.544	7.220.851.544
Trái phiếu (*)	4.560.000.000	4.560.000.000
<b>Cộng</b>	<b>52.981.246.215</b>	<b>28.237.794.008</b>

(\*) Là 456 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, thời hạn 10 năm với lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tham chiếu +1,2%/năm. Trái phiếu này cùng 01 hợp đồng tiền gửi có giá trị 5.500.000.000 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>110.654.570.000</b>	<b>(5.262.855.020)</b>	<b>110.654.570.000</b>	<b>(4.170.796.998)</b>
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại <sup>(i)</sup>	21.030.000.000	(3.603.362.581)	21.030.000.000	(3.603.362.581)
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường <sup>(ii)</sup>	41.924.570.000		41.924.570.000	
Công ty Cổ phần CM Nha Trang <sup>(iii)</sup>	47.700.000.000	(1.659.492.439)	47.700.000.000	(567.434.417)
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>13.200.000.000</b>		<b>13.200.000.000</b>	
Công ty Cổ phần Đầu tư và hạ tầng Vietin <sup>(iv)</sup>	13.200.000.000		13.200.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>123.854.570.000</b>	<b>(5.262.855.020)</b>	<b>123.854.570.000</b>	<b>(4.170.796.998)</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103039377 ngày 24 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây lắp Nam Việt (nay là Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại) 21.030.000.000 VND, tương đương với 100% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại chưa thực hiện thay đổi được Giấy phép đăng ký kinh doanh về loại hình doanh nghiệp.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400308865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 4 năm 2017, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường 41.924.570.000, tương đương 68,44% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký, không thay đổi so với đầu năm.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201758312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 06 tháng 9 năm 2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 28 tháng 6 năm 2018, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần CM Nha Trang 47.700.000.000 VND, tương đương 59,63% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký, không thay đổi so với đầu năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- (iv) Công ty đã mua 1.320.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và hạ tầng Vietin với giá mua là 13.200.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 23,32% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin.

#### *Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### *Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết*

Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại (Công ty con) hiện đã dừng hoạt động, Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin (Công ty liên kết) đang trong quá trình đầu tư chưa phát sinh doanh thu. Công ty Cổ phần CM Nha Trang đã đi vào hoạt động, và phát sinh doanh thu cung cấp dịch vụ trong kỳ. Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

#### *Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	4.170.796.998	1.081.211.164
Trích lập dự phòng bổ sung	1.092.058.022	3.195.282.076
Hoàn nhập dự phòng		(67.442.644)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>5.262.855.020</u></b>	<b><u>4.209.050.596</u></b>

#### *Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường</b>		
Mua vật tư của công ty con		255.441.450
Vay công ty con		1.700.000.000
Lãi vay phải trả công ty con		27.125.000
<b>Công ty Cổ phần CM Thành Đông</b>		
Vay tiền của công ty con		7.750.000.000
<b>Công ty Cổ phần CM Nha Trang</b>		
Cung cấp dịch vụ thi công xây lắp cho công ty con	24.037.622.457	6.648.239.010
Lãi vay phải thu công ty con		157.837.333
Cho công ty con vay	100.000.000	

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng****3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>6.433.368.323</b>	
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	6.433.368.323	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>79.036.765.133</b>	<b>79.558.301.609</b>
Công ty SK Engineering and Construction	26.655.059.561	25.526.849.978
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc <sup>(i)</sup>	13.927.265.023	13.927.265.023
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	8.219.169.047	8.219.169.047
Douglas Allance	9.169.011.395	728.936.859
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh	4.408.592.000	
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh	3.208.594.000	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn	3.663.232.919	6.102.012.461
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu hầm <sup>(i)</sup>	2.267.704.120	2.267.704.120
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện <sup>(i)</sup>	704.446.925	704.446.925
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh	2.260.324.600	
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Hạ Tầng <sup>(i)</sup>	28.000.000	28.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Việt Hoa <sup>(i)</sup>	62.500.000	62.500.000
Công ty Cổ phần Anh Cao <sup>(i)</sup>	55.850.000	55.850.000
Các khách hàng khác	19.295.101.190	21.935.567.196
<b>Cộng</b>	<b>95.949.627.103</b>	<b>79.558.301.609</b>
<sup>(i)</sup> Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	17.045.766.068	14.778.061.948

**3b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>29.168.063.574</b>	<b>15.126.180.660</b>
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 4	6.153.965.000	7.081.782.000
Hazama Ando Corporation	3.206.709.364	2.644.671.304
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	2.438.779.542	
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1	2.691.000.000	2.691.000.000
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Tây Ninh	2.148.267.400	
Các khách hàng khác	2.049.848.621	2.708.727.356
<b>Cộng</b>	<b>18.688.569.927</b>	<b>15.126.180.660</b>



98  
 11  
 01  
 NH  
 04  
 A  
 AI  
 1  
 B



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>38.589.430.002</b>	<b>17.379.671.588</b>
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Lan Linh	9.771.776.281	
Công ty Cổ phần JIVC	8.780.000.000	
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Nông nghiệp Hà Nội	6.698.309.450	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển C & D	1.223.521.492	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nông thôn 10	5.200.000.000	
Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Minh Đức		2.047.442.898
Công ty TNHH MTV Thiết bị PCCC & CNCH Khánh Hòa		2.368.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp 5	1.116.347.066	3.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	5.799.475.713	9.963.428.690
<b>Cộng</b>	<b>38.589.430.002</b>	<b>17.379.671.588</b>

#### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho vay không xác định thời hạn Công ty Cổ phần CM Nha Trang (là Công ty con) với lãi suất 0%.

#### 6. Phải thu ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên</b>	<b>12.359.088.334</b>		<b>1.590.343.776</b>	
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - Tiền chi hộ	548.926.427		548.926.427	
Công ty Cổ phần CM Nha Trang - Tiền chi hộ	250.000.000		250.000.000	
Công ty Cổ phần CM Thành Đông - Tiền chi hộ	1.698.646		1.698.646	
Ông Nguyễn Ngọc Tú- Tạm ứng	11.268.295.058		356.206.119	
Ông Dương Ngọc Trường -Tạm ứng	8.058.271		68.591.472	
Ông Kim Ngọc Nhân - Ứng trước tiền lương	282.109.932		364.921.112	
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>55.960.654.093</b>	<b>(33.367.509.131)</b>	<b>84.479.591.189</b>	<b>(33.367.509.131)</b>
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.739.513.407		758.058.381	
Tạm ứng	9.232.560.574		3.157.666.540	
Các khoản ký quỹ, ký cược	1.228.200.000		39.936.746.409	
Công ty TNHH Cavico Việt Nam <sup>(i)</sup>	12.610.656.272	(8.827.459.390)	12.610.656.272	(8.827.459.390)
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng <sup>(i)</sup>	5.700.000.000	(3.000.000.000)	5.700.000.000	(3.000.000.000)
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên <sup>(i)</sup>	21.540.049.741	(21.540.049.741)	21.540.049.741	(21.540.049.741)
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Tây Ninh - tiền thi công công tác đền bù	2.500.000.000			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.409.674.099		776.413.846	
<b>Cộng</b>	<b>68.319.742.427</b>	<b>(33.367.509.131)</b>	<b>86.069.934.965</b>	<b>(33.367.509.131)</b>
<sup>(i)</sup> Công nợ chưa có đối chiếu xác nhận	39.850.706.013		21.540.049.741	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****7. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	Trên 3 năm	21.540.049.741	(21.540.049.741)	Trên 3 năm	21.540.049.741	(21.540.049.741)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	Trên 3 năm	2.267.704.120	(2.267.704.120)	Trên 3 năm	2.267.704.120	(2.267.704.120)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	Trên 3 năm	704.446.925	(704.446.925)	Trên 3 năm	704.446.925	(704.446.925)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	Trên 3 năm	5.906.047.298	(5.906.047.298)	Trên 3 năm	5.906.047.298	(5.906.047.298)
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	Trên 3 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)	Trên 3 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	12.610.656.272	(8.827.459.390)	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	12.610.656.272	(8.827.459.390)
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	146.350.000	(146.350.000)	Trên 3 năm	146.350.000	(146.350.000)
<b>Cộng</b>		<b>46.175.254.356</b>	<b>(42.392.057.474)</b>		<b>46.175.254.356</b>	<b>(42.392.057.474)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	42.392.057.474	37.198.112.031
Trích lập dự phòng bổ sung		1.771.814.189
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>42.392.057.474</b>	<b>38.969.926.220</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường			2.595.780.551	
Nguyên liệu, vật liệu	2.756.456.437		9.593.659.273	
Công cụ, dụng cụ			3.306.569.329	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	49.033.758.836		43.018.690.257	
<b>Cộng</b>	<b>51.790.215.273</b>		<b>58.514.699.410</b>	

(\*) Chi tiết theo các công trình, dự án như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án Xenamnoy Gói 3	6.535.827.423	9.167.059.038
Dự án Sông Bạc	21.361.631.990	21.361.631.990
Khách sạn CM Nha Trang	12.400.372.721	3.492.744.672
Dự án Xenamnoy Gói 9		3.081.296.064
Dự án Ghi Nê xích đạo		1.350.680.275
Dự án Nậm ngừng	4.378.493.338	
Các công trình, dự án khác	4.357.433.364	4.565.278.218
<b>Cộng</b>	<b>49.033.758.836</b>	<b>43.018.690.257</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

##### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	3.783.402.540	1.540.346.206
Chi phí xuất nhập cảnh lao động	489.816.094	275.115.750
Phí bảo lãnh	621.891.875	278.270.782
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	137.252.915	98.459.784
<b>Cộng</b>	<b>5.032.363.424</b>	<b>2.192.192.522</b>

##### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.509.130.096	247.100.074
Phí bảo lãnh	812.696.025	811.273.167
Chi phí sửa chữa	416.815.089	
Các chi phí trả trước dài hạn khác	73.939.325	112.293.600
<b>Cộng</b>	<b>3.812.580.535</b>	<b>1.170.666.841</b>

#### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	16.603.265.742	32.345.774.389	8.327.502.818	2.248.268.081	59.524.811.030
Mua trong kỳ			793.670.000		793.670.000
Thanh lý		(2.000.000.000)			(2.000.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>16.603.265.742</b>	<b>30.345.774.389</b>	<b>9.121.172.818</b>	<b>2.248.268.081</b>	<b>58.318.481.030</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		5.058.274.454	1.635.241.819	445.908.848	7.139.425.121
Chờ thanh lý					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	885.507.505	18.587.803.785	4.284.650.692	908.316.837	24.666.278.819
Khấu hao trong kỳ	332.065.314	2.878.383.529	625.443.672	218.457.378	4.054.349.893
Thanh lý		(2.000.000.000)			(2.000.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.217.572.819</b>	<b>19.466.187.314</b>	<b>4.910.094.364</b>	<b>1.126.774.215</b>	<b>26.720.628.712</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	15.717.758.237	13.757.970.604	4.042.852.126	1.339.951.244	34.858.532.211
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>15.385.692.923</b>	<b>10.879.587.075</b>	<b>4.211.078.454</b>	<b>1.121.493.866</b>	<b>31.597.852.318</b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 18.131.175.629 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	12.915.578.000	209.455.000	38.000.000	13.163.033.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>12.915.578.000</b>	<b>209.455.000</b>	<b>38.000.000</b>	<b>13.163.033.000</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			38.000.000	38.000.000
Chờ thanh lý				
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm		97.745.650	38.000.000	135.745.650
Khấu hao trong kỳ		10.472.748		10.472.748
<b>Số cuối kỳ</b>		<b>108.218.398</b>	<b>38.000.000</b>	<b>146.218.398</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	12.915.578.000	111.709.350		13.027.287.350
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>12.915.578.000</b>	<b>101.236.602</b>		<b>13.016.814.602</b>
Tạm thời không sử dụng				
Đang chờ thanh lý				

### 12. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn

#### 12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>34.619.127.226</b>	<b>45.469.127.226</b>
Công ty TNHH CM Xây dựng	5.586.705.710	5.586.705.710
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	26.438.986.468	37.288.986.468
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	2.593.435.048	2.593.435.048
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>31.741.762.513</b>	<b>37.818.139.727</b>
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Huy Hùng <sup>(i)</sup>	6.038.825.952	6.038.825.952
Công ty Cổ phần Điện lạnh và Xây lắp Việt Nam	3.712.801.419	3.761.399.255
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển C & D	2.975.228.000	
Công ty Cổ phần Xây dựng Top Dec	2.548.126.995	2.559.104.355
Công ty Cổ phần Thịnh Cường <sup>(i)</sup>	437.048.237	437.048.237
Các nhà cung cấp khác	16.029.731.910	25.021.761.928
<b>Cộng</b>	<b>66.360.889.739</b>	<b>83.287.266.953</b>
<sup>(i)</sup> Công nợ chưa có đối chiếu xác nhận	6.475.874.189	6.038.825.952



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****12b. Phải trả người bán dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>9.941.726.618</b>	<b>6.366.688.134</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	2.582.946.757	2.979.182.278
Công ty TNHH Hòa Hiệp	1.588.606.000	2.401.825.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp 5	1.195.517.200	
Các nhà cung cấp khác	4.574.656.661	985.680.856
<b>Cộng</b>	<b>9.941.726.618</b>	<b>6.366.688.134</b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước của bên liên quan</b>		<b>2.311.090.483</b>
Công ty Cổ phần CM Nha Trang		2.311.090.483
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>154.286.047.237</b>	<b>176.470.587.140</b>
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Hà Tĩnh	56.400.000.000	56.513.137.000
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Tây Ninh	22.900.000.000	35.000.000.000
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 8	59.866.118.000	64.175.118.000
Hazama Ando Corporation	10.181.326.730	12.140.854.140
Duglas Alliance	3.820.836.457	4.378.000.000
Công ty Xi măng Nghi Sơn	1.117.766.050	
Ban quản lý dự án Quản lý Thiên tai tỉnh Bình Định		4.263.478.000
<b>Cộng</b>	<b>154.286.047.237</b>	<b>178.781.677.623</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế xuất khẩu		35.884.746	(35.884.746)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.162.379.653	1.372.849.461	(2.044.000.000)	3.491.229.114
Thuế thu nhập cá nhân		1.388.268.624	(201.375.000)	1.186.893.624
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		1.166.579.462	(305.375.000)	861.204.462
<b>Cộng</b>	<b>4.162.379.653</b>	<b>3.963.582.293</b>	<b>(2.586.634.746)</b>	<b>5.539.327.200</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động xuất khẩu là 0%, hoạt động trong nước là 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.937.834.990	3.802.520.429
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	926.412.306	382.851.133
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.200.039.111	386.191.409
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ xe ô tô trên 1,6 tỷ đồng</i>	<i>29.323.684</i>	<i>25.073.684</i>
<i>Lãi phạt chậm nộp tiền thuế, BHXH, các khoản phạt</i>	<i>1.146.715.427</i>	<i>185.649.276</i>
<i>Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ</i>		<i>128.833.622</i>
<i>Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>		<i>46.634.827</i>
<i>Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	<i>24.000.000</i>	
- Các khoản điều chỉnh giảm	273.626.805	(64.340.276)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ</i>	<i>(273.626.805)</i>	<i>(64.340.276)</i>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>6.864.247.296</b>	<b>4.214.371.562</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.372.849.461</b>	<b>824.874.312</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>		<b>451.621.998</b>
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.372.849.461</b>	<b>1.276.496.310</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí lãi vay phải trả	14.278.421	43.076.493
Trích trước chi phí công trình	14.675.108.947	2.712.329.736
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	310.713.505	
<b>Cộng</b>	<b>15.000.100.873</b>	<b>2.755.406.229</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu nhận trước về cho thuê lán trại, văn phòng tại Dự án Ngân Trươi	47.021.950	56.426.328
Doanh thu nhận trước vé máy bay Dự án Senji	3.727.589.519	1.981.238.037
Phí quản lý hợp đồng số 01/2019/HĐTC/CMV-Nông thôn 10 nhận trước	950.909.091	
<b>Cộng</b>	<b><u>4.725.520.560</u></b>	<b><u>2.037.664.365</u></b>

#### 17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	171.109.550	
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	531.310.290	187.278.414
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.095.561.776	1.227.680.004
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	194.268.884	694.787.214
<b>Cộng</b>	<b><u>1.992.250.500</u></b>	<b><u>2.109.745.632</u></b>

#### 18. Vay ngắn hạn/dài hạn

##### 18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<b><i>15.024.411.321</i></b>	<b><i>8.698.471.321</i></b>
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại <sup>(i)</sup>	2.074.471.321	2.074.471.321
Công ty Cổ phần CM Thành Đông <sup>(i)</sup>	6.624.000.000	6.624.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tú <sup>(i)</sup>	6.325.940.000	
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<b><i>9.150.241.446</i></b>	<b><i>11.012.797.676</i></b>
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Phòng giao dịch Mỹ Đình		6.013.666.828
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 <sup>(ii)</sup>	2.959.520.446	4.999.130.848
<i>Vay cá nhân (Ông Phạm Văn Tùng) <sup>(i)</sup></i>	<b><i>4.288.721.000</i></b>	<b><i>3.388.721.000</i></b>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>	<b><i>1.902.000.000</i></b>	<b><i>2.065.333.333</i></b>
<b>Cộng</b>	<b><u>24.174.652.767</u></b>	<b><u>25.165.323.330</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Là các khoản vay không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%/năm, không xác định thời hạn vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch I để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp và các khoản lương cho cán bộ công nhân viên, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký kết ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thể chấp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay bên liên quan	8.698.471.321	9.100.000.000		(2.774.060.000)	15.024.411.321
Vay ngân hàng	11.012.797.676	8.441.888.348		(16.495.165.578)	2.959.520.446
Vay cá nhân	3.388.721.000	900.000.000			4.288.721.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.065.333.333		950.988.667	(1.114.322.000)	1.902.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>25.165.323.330</u></b>	<b><u>18.441.888.348</u></b>	<b><u>950.988.667</u></b>	<b><u>(20.383.547.578)</u></b>	<b><u>24.174.652.767</u></b>

#### 18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Phòng giao dịch Mỹ Đình <sup>(i)</sup>	353.500.000	860.488.667
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An <sup>(ii)</sup>	244.000.000	688.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>597.500.000</u></b>	<b><u>1.548.488.667</u></b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp với lãi suất cố định năm đầu theo từng khế ước từ 7,69% - 8%, thả nổi trong các năm tiếp theo. Thời hạn của khoản vay 02 đến 03 năm theo từng khế ước kể từ ngày ký khế ước nhận nợ. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp với lãi suất cố định năm đầu 9%, thả nổi trong các năm tiếp theo. Thời hạn của khoản vay là 03 năm kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.902.000.000	2.065.333.333
Trên 1 năm đến 5 năm	597.500.000	1.548.488.667
Trên 5 năm		
<b>Cộng</b>	<b><u>2.499.500.000</u></b>	<b><u>3.613.822.000</u></b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	1.548.488.667
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(950.988.667)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>597.500.000</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	807.610.520			807.610.520
Quỹ phúc lợi	265.640.792			265.640.792
<b>Cộng</b>	<b>1.073.251.312</b>			<b>1.073.251.312</b>

**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	172.000.000.000	(211.950.000)	4.922.215.574	13.862.076.437	190.572.342.011
Lợi nhuận trong kỳ trước				2.526.024.119	2.526.024.119
Trích lập các quỹ			226.250.635	(226.250.635)	
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>172.000.000.000</b>	<b>(211.950.000)</b>	<b>5.148.466.209</b>	<b>16.161.849.921</b>	<b>193.098.366.130</b>
Số dư đầu năm nay	172.000.000.000	(211.950.000)	5.148.466.209	13.504.237.751	190.440.753.960
Lợi nhuận trong kỳ				4.564.985.529	4.564.985.529
Trích lập các quỹ			12.896.100	(12.896.100)	
Chia cổ tức, lợi nhuận				(8.600.000.000)	(8.600.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>172.000.000.000</b>	<b>(211.950.000)</b>	<b>5.161.362.309</b>	<b>9.456.327.180</b>	<b>186.405.739.489</b>

**20b. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.200.000	17.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**20c. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ/ĐHĐCĐ/CMVN ngày 26 tháng 4 năm 2019 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 12.896.100
• Chia cổ tức	: 8.600.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ***Ngoại tệ các loại*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	39.106,11	751,84
Euro (EUR)	562,85	34.161,67
Kíp Lào (LAK)	1.159.516,8	9.277.557,80
Baht Thái Lan (THB)	14.404,68	16.626,55

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***1a. Tổng doanh thu*

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.843.213.164	1.572.290.806
Doanh thu hợp đồng xây dựng	141.988.032.664	129.098.256.440
<b>Cộng</b>	<b><u>143.831.245.828</u></b>	<b><u>130.670.547.246</u></b>

*1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan*

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Doanh thu cho thuê nhà</b>		
Ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch HĐQT	81.818.182	68.181.820
Ông Kim Ngọc Nhân - Phó Chủ tịch HĐQT	81.818.182	68.181.820
Ông Dương Ngọc Trường - Phó Tổng Giám đốc	40.909.090	34.090.910

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	207.227.970	318.609.008
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	132.503.719.972	113.457.068.863
<b>Cộng</b>	<b><u>132.710.947.942</u></b>	<b><u>113.775.677.871</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.059.524.381	640.227.303
Lãi tiền cho vay		157.837.333
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	386.260.628	482.393.040
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	273.626.805	64.340.276
<b>Cộng</b>	<b><u>2.719.411.814</u></b>	<b><u>1.344.797.952</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	305.926.035	2.372.188.960
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	382.895.675	748.061.472
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	1.092.058.022	3.127.839.432
<b>Cộng</b>	<b>1.780.879.732</b>	<b>6.248.089.864</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.387.705.934	3.654.444.124
Chi phí đồ dùng văn phòng	762.176.447	108.496.862
Chi phí khấu hao tài sản cố định	601.683.582	669.836.200
Thuế, phí và lệ phí	110.890.761	330.050.952
Dự phòng nợ phải thu khó đòi		1.771.814.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.649.239.542	1.509.888.493
Chi phí bằng tiền khác	148.680.455	34.292.090
<b>Cộng</b>	<b>6.660.376.721</b>	<b>8.078.822.910</b>

**6. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý vật tư, thiết bị	4.868.523.847	
Thu nhập thanh lý tài sản	1.635.602.152	66.671.461
Thu nhập khác	713.543.713	125.813.009
<b>Cộng</b>	<b>7.217.669.712</b>	<b>192.484.470</b>

**7. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí việc bán vật tư	5.345.729.595	
Phạt do vi phạm về phòng cháy chữa cháy		40.000.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.146.715.427	105.796.856
Chi phí khác	185.842.947	156.921.738
<b>Cộng</b>	<b>6.678.287.969</b>	<b>302.718.594</b>

**8. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CM VIETNAM  
HÀ NỘI

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.767.471.740	54.000.463.538
Chi phí nhân công	33.199.359.907	29.709.803.946
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.064.822.641	4.211.143.711
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.694.642.974	47.053.200.712
<i>Trong đó: chi phí thuê phư</i>	<i>65.543.683.031</i>	
Chi phí khác	1.736.358.209	4.847.399.906
<b>Cộng</b>	<b>145.462.655.471</b>	<b>139.822.011.813</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Các thành viên ban Tổng giám đốc</b>		
Phụ cấp chi trả cho HĐQT	45.000.000	36.000.000
Vay Ông Nguyễn Ngọc Tú	9.100.000.000	
Tạm ứng Ông Nguyễn Ngọc Tú	15.630.500.000	
Tạm ứng Ông Dương Ngọc Trường	67.512.000	

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.





## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phụ cấp Hội đồng quản trị	18.000.000	24.000.000
Lương	1.478.006.515	830.700.000
<b>Cộng</b>	<b>1.496.006.515</b>	<b>854.700.000</b>

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH CM Xây dựng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin	Công ty liên kết

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không phát sinh giao dịch với bên liên quan khác.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5, V.6, V.12, V.13 và V.18.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. **Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

### 2a. *Thông tin về khu vực địa lý*

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	<b>Khu vực trong nước</b>	<b>Khu vực nước ngoài</b>	<b>Cộng</b>
<b>Kỳ này</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	87.018.111.632	56.813.134.196	143.831.245.828
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>87.018.111.632</b>	<b>56.813.134.196</b>	<b>143.831.245.828</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Khu vực trong nước</b>	<b>Khu vực nước ngoài</b>	<b>Cộng</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	6.092.205.070	5.028.092.816	11.120.297.886
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(6.660.376.721)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			4.459.921.165
Doanh thu hoạt động tài chính			2.719.411.814
Chi phí tài chính			(1.780.879.732)
Thu nhập khác			7.217.669.712
Chi phí khác			(6.678.287.969)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.372.849.461)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>4.564.985.529</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>7.482.637.721</b>		<b>7.482.637.721</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>10.158.792.716</b>		<b>10.158.792.716</b>
<b>Kỳ trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	26.260.022.466	104.410.524.780	130.670.547.246
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>26.260.022.466</b>	<b>104.410.524.780</b>	<b>130.670.547.246</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.169.132.351	11.725.737.024	16.894.869.375
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(8.078.822.910)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			8.816.046.465
Doanh thu hoạt động tài chính			1.344.797.952
Chi phí tài chính			(6.248.089.864)
Thu nhập khác			192.484.470
Chi phí khác			(302.718.594)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.276.496.310)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>2.526.024.119</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>3.177.711.895</b>	<b>1.056.545.455</b>	<b>4.234.257.350</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.046.795.303</b>	<b>3.921.666.022</b>	<b>4.968.461.325</b>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	<b>Khu vực trong nước</b>	<b>Khu vực nước ngoài</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	134.482.489.779	117.527.095.992	252.009.585.771
Tài sản phân bổ cho bộ phận	7.875.191.650	5.141.622.952	13.016.814.602
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			212.881.617.547
<b>Tổng tài sản</b>			<b>477.908.017.920</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Khu vực trong nước</b>	<b>Khu vực nước ngoài</b>	<b>Cộng</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	99.487.917.008	25.848.082.569	125.335.999.577
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	23.064.162.519	15.058.329.073	38.122.491.592
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			128.043.787.262
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>291.502.278.431</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	131.497.022.188	75.111.030.131	206.608.052.319
Tài sản phân bổ cho bộ phận	5.553.135.970	7.474.151.380	13.027.287.350
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			281.740.884.405
<b>Tổng tài sản</b>			<b>501.376.224.074</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	262.961.161.684	11.975.965.953	274.937.127.637
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	13.111.570.815	17.647.301.567	30.758.872.382
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			5.239.470.095
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>310.935.470.114</b>

**2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là xây lắp

**3. Số liệu so sánh****3a. Các sai sót**

Công ty đã thực hiện điều chỉnh một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế của Tổng cục thuế Thành phố Hà Nội ngày 22 tháng 5 năm 2019.

**3b. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót**

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	<b>Mã số</b>	<b>Số liệu trước điều chỉnh</b>	<b>Các điều chỉnh</b>	<b>Số liệu sau điều chỉnh</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	416.290.955	3.746.088.698	4.162.379.653	(i)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17.250.326.449	(3.746.088.698)	13.504.237.751	(ii)
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	824.874.312	451.621.998	1.276.496.310	(iii)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.977.646.117	(451.621.998)	2.526.024.119	(iv)

**(i) Tăng do truy thu thuế qua các năm bao gồm:**

Truy thu năm 2017	3.294.466.700
Truy thu năm 2018	451.621.998
<b>Cộng</b>	<b>3.746.088.698</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- (ii) Giảm lợi nhuận sau thuế do điều chỉnh tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- (iii) Giảm do điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018.
- (iv) Giảm do điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018.

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu



Ngô Thị Trang

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thủy

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

